TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 293/2022/HCPT
Ngày: 25/7/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;
Các Thẩm phán: Ông Mai Anh Tài;
Ông Đặng Đình Lực.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Tân, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 10/2022/TLPT-HC ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc "yêu cầu hủy Quyết định hành chính", do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2021/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4649/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự sau:

**** Người khởi kiện**:* Ông Cao Duy T, sinh năm 1961; Địa chỉ: Đội 10, thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện nay cư trú tại: Tổ 2, thị trấn Yên M, huyện Yên M, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

**** Người bị kiện:*** Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ: đường Hai Bà T, phường Đống Đ, thành phố Vĩnh Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Nguyễn Kim T1 - Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Hoàng Văn Đ- Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc (văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Phó Giám đốc phụ trách ông Nguyễn Kim T1). Vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Bà Phạm Thị P- Phó trưởng phòng Đ ký và cấp Giấy chứng nhận thuộc Văn phòng Đ ký đất đai tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Cao Phi H, sinh năm 1938; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1951; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 124, phố Ngô Q, thị xã Sơn T, thành phố Hà Nội.

3. Bà Cao Thị L, sinh năm 1958; Địa chỉ: thôn Đại Đ, xã Cao Đ, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

4. Ông Cao Duy Đ, sinh năm 1967; Địa chỉ: Đội 10, thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc Vắng mặt.

5. Bà Trần Thị Kim O, sinh năm 1962; địa chỉ: thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

6. Anh Cao Trọng Đ1, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

7. Chị Dương Thị Ngọc N, sinh năm 1995; địa chỉ: Trại G, phường Khai Q, thành phố Vĩnh Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện ông Cao Duy T trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Cao Duy Đ2, sinh năm 1931 và cụ Trần Thị V, sinh năm 1934 có 03 người con chung là Cao Thị L, sinh năm 1958; Cao Duy Đ, sinh năm 1967 và ông Cao Duy T, sinh năm 1961. Năm 1969, bố ông là cụ Cao Duy Đ2 hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, không để lại di chúc. Sau đó bà Cao Thị L đi lấy chồng, còn lại ông và cụ V, ông Đ cùng nhau quản lý, sử dụng thửa đất có nguồn gốc do cha ông để lại tại thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T từ đó đến nay. Năm 1990, hộ gia đình ông được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với thửa số 41, tờ bản đồ số 13, diện tích 956m^2, địa chỉ: thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc đứng tên hộ bà Trần Thị V (mẹ đẻ ông), trên đất có 01 căn nhà 04 gian (nhà cấp 04). Tuy nhiên Ủy ban nhân dân (UBND) xã Thượng T không trả giấy tờ cho gia đình ông với lý do chưa kiểm tra hiện trạng đối với phần diện tích liền kề mà gia đình ông đã lấn chiếm để thực hiện việc cấp bìa cho phần diện tích này. Từ đó đến nay, gia đình ông chưa được giữ GCNQSDĐ đối với thửa đất của gia đình mình. Quá trình sử dụng, vào năm 1995 ông xây thêm 01 gian nhà nữa, đến năm 2009, do nhà cũ đã xuống cấp và được nhà nước hỗ trợ nên gia đình ông sửa lại ngôi nhà, trát tường xi măng và lợp lại ngói rồi quản lý, dụng thửa đất này. Năm 2017, khi cụ Trần Thị V (mẹ ông mất), không để lại di chúc gì, khi tiến hành họp gia đình thì mọi người (trong đó có ông) mới biết ông Cao Phi H (chú ruột ông) đã làm thủ tục tách thửa đất trên và ông H đã được cấp GCNQSDĐ đối với 513m^2 (tương ứng với ½ thửa đất này) từ năm 2016.

Sau khi tìm hiểu, ông và mọi người trong gia đình được biết thửa đất có diện tích 956m^2 thuộc thửa đất số 41, tờ bản đồ số 13, địa chỉ tại thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T của gia đình đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên

Trần Thị V từ ngày 12/6/2016 có diện tích đất 1.026m^2. Sau đó cụ V đã tách làm hai thửa là: Thửa số 469, tờ bản đồ số 19, diện tích 513m^2 đã được Sở Tài nguyên và Môi Trường (TNMT) tỉnh Vĩnh Phúc cấp GCNQSDĐ mang tên ông Cao Phi H vợ là Nguyễn Thị M; một nửa còn lại là thửa 470 vẫn đứng tên cụ Trần Thị V. Ông và mọi người trong gia đình không rõ vì sao Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc lại có thể cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất trên cho ông H, bà M được. Bởi thửa đất và ngôi nhà là tài sản thuộc sở hữu chung của gia đình ông bao gồm: Cụ Trần Thị V (mẹ ông), bà Cao Thị L (chị gái ông), ông Cao Duy Đ (em trai ông) và ông (Cao Duy T), do đó bất kỳ giao dịch gì liên quan đến các tài sản trên đều phải có sự nhất trí và ký tên của các đồng sở hữu. Do đó việc cụ V chuyển nhượng một nửa thửa đất trên cho vợ chồng ông Cao Phi H, bà Nguyễn Thị M là không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các thành viên trong gia đình. Vì vậy ông khởi kiện đề nghị Tòa án hủy GCNQSDĐ do Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc đã cấp cho vợ chông ông Cao Phi H, bà Nguyễn Thị M. Vào năm 2018 khi vợ chồng anh Đ1, chị N (là con trai, con dâu ông) phá gian nhà cấp 4 do ông xây thêm vào năm 1995, xây nhà 3 tầng thì ông mới biết vào ngày 15/10/2018 ông Cao Phi H, vợ là Nguyễn Thị M đã chuyển nhượng cho vợ chồng anh Cao Trọng Đ1, chị Dương Thị Ngọc N (là con trai, con dâu ông) diện tích 156,5m^2 đất và vợ chồng anh Đ1, chị N đã được Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc cấp GCNQSDĐ vào ngày 16/11/2018. Do vậy ông Cao Duy T đề nghị Tòa án hủy luôn cả GCNQSDĐ do Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho vợ chồng anh Cao Trọng Đ1, chị Nguyễn Thị Ngọc N.

Người đại của người bị kiện và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện là Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc trình bày:

- Về việc cấp GCNQSDĐ cho ông Cao Phi H- bà Nguyễn Thị M do nhận chuyển nhượng từ bà Trần Thị V (mẹ ông T): Ngày 12/7/2016 bà Trần Thị V được UBND huyện Vĩnh T cấp GCNQSDĐ lần đầu tại thửa đất số 143, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.026m^2 ở thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 15/8/2016, bà Trần Thị V đề nghị tách thửa đất 143, tờ bản đồ số 19 thành 02 thửa: Thửa 470 diện tích và thửa 469 mỗi thửa đều có diện tích 513m^2. Ngày 18/8/2016, bà Trần Thị V đã ký hợp đồng chuyển nhượng thửa 469 diện tích 513m^2 cho ông Cao Phi H (là chú ruột ông Cao Duy T) và vợ là bà Nguyễn Thị M. Ngày 28/8/2016, ông Cao Phi H và vợ là bà Nguyễn Thị M có nộp hồ sơ Đ ký biến động cấp mới GCNQSDĐ do nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị V đối với thửa đất 469 diện tích 513 m^2 tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế 1 cửa tại UBND huyện Vĩnh T.

Sau khi thẩm định hồ sơ, Chi nhánh Vĩnh T đã chuyển thông tin sang Chi cục thuế huyện Vĩnh T để xác định nghĩa vụ tài chính và sau khi ông H (bà M) hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo thông báo của Chi cục thuế theo quy định. Ngày 01/11/2016, Chi nhánh Vĩnh T hoàn thiện hồ sơ trình Sở TNMT ký cấp GCNQSDĐ ngày 09/11/2016 cho ông Cao Phi H - vợ là bà Nguyễn Thị M số

thửa 469 tờ bản đồ số 19 diện tích 513m^2 và cấp mới phần diện tích còn lại cho bà Trần Thị V số thửa 470 tờ bản đồ số 19 diện tích 513m^2 địa chỉ thửa đất tại thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Về việc cấp mới GCNQSDĐ cho anh Cao Trọng Đ1 - vợ là chị Dương Thị Ngọc N do nhận chuyển nhượng từ ông Cao Phi H - vợ là bà Nguyễn Thị M: Ngày 12/7/2018, vợ chồng ông Cao Phi H, bà Nguyễn Thị M đề nghị tách thửa 469 tờ bản đồ số 19 diện tích 513m^2 thành 02 thửa: Thửa 657 diện tích 156,5m^2 và thửa 658 diện tích 356,5m^2 được Sở TNMT ký Giấy chứng nhận ngày 24/7/2018. Ngày 15/10/2018, vợ chồng ông Cao Phi H, bà Nguyễn Thị M đã ký hợp đồng chuyển nhượng là thửa 657 diện tích 156,5m^2 cho anh Cao Trọng Đ1 - vợ là chị Dương Thị Ngọc N. Tiếp đó anh Cao Trọng Đ1 - vợ là chị Dương Thị Ngọc N có nộp hồ sơ Đ ký biến động cấp mới GCNQSDĐ do nhận chuyển nhượng từ ông Cao Phi H - vợ là bà Nguyễn Thị M đối với thửa đất 657 diện tích 156,5m^2 tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế 1 cửa tại UBND huyện Vĩnh T.

Sau khi thẩm định hồ sơ, Chi nhánh Vĩnh T đã chuyển thông tin sang Chi cục thuế huyện Vĩnh T để xác định nghĩa vụ tài chính và sau khi anh Đ1 (chị N) hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo thông báo của Chi cục thuế theo quy định. Ngày 14/11/2018, Chi nhánh Vĩnh T hoàn thiện hồ sơ trình Sở TNMT ký cấp GCNQSDĐ ngày 16/11/2018 cho anh Cao Trọng Đ1 - vợ là chị Dương Thị Ngọc N số phát hành CO 527339, thửa 657 diện tích 156,5 m^2 địa chỉ thửa đất tại thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc có quan điểm: Việc cấp mới GCNQSDĐ của vợ chồng ông Cao Phi H, bà Nguyễn Thị M do nhận chuyển nhượng từ cụ Trần Thị V ngày 09/11/2016 và cấp GCNQSDĐ của vợ chồng anh Cao Trọng Đ1, chị Dương Thị Ngọc N là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 105, Luật Đất đai 2013; Điều 37 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định. Hồ sơ đầy đủ điều kiện cấp GCN theo quy định tại Điểm c, khoản 1, Điều 99 Luật Đất đai năm 2013, trình tự thực hiện theo Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP; thành phần hồ sơ đầy đủ theo Khoản 2, Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT quy định về hồ sơ địa chính và khoản 2, Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT quy định về hồ sơ địa chính. Do đó ông Cao Duy T có yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án hủy GCNQSDĐ cấp cho ông Cao Phi H đối với thửa đất số 469 tờ bản đồ số 19, diện tích 513 m^2 tại đội 10, thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T và đề nghị hủy GCNQSDĐ được tách ra từ GCNQSDĐ đứng tên ông Cao Phi H cho anh Cao Trọng Đ1, chị Dương Thị Ngọc N là không có đủ căn cứ pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xem xét, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Duy T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Phi H, bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án đã thể hiện quan điểm:

Thửa đất số 469, tờ bản đồ số 19, diện tích 513m^2 tại thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T có nguồn gốc là đất ông cha để lại chưa phân chia cho ai do cụ Trần Thị V (chị dâu ông) đứng tên, trực tiếp quản lý, sử dụng. Ngày 18/8/2016 cụ Trần Thị V đã lập hợp đồng chuyển nhượng cho vợ chồng ông với giá 200.000.000đ đã làm đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật. Ngày 09/11/2016, vợ chồng ông được Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc cấp GCNQSDĐ mang tên Cao Phi H, Nguyễn Thị M. Việc cụ Trần Thị V chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông thì cụ V đã nói cho các con cháu trong nhà biết nhưng không ai có ý kiến gì. Sau khi vợ chồng ông được cụ V chuyển nhượng đến ngày 15/10/2018 vợ chồng ông đã cho vợ chồng anh Cao Trọng Đ1, chị Dương Thị Ngọc N (là con trai, con dâu ông T) diện tích 156,5m^2 đất và vợ chồng anh Đ1, chị N đã được Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc cấp GCNQSDĐ vào ngày 16/11/2018. Trên diện tích đất vợ chồng ông được cụ V chuyển nhượng có 04 gian nhà cấp 4 của cụ V và 01 gian nhà do ông T xây dựng, hiện nay anh Đ1, chị đã phá bỏ gian nhà ông T xây dựng để làm nhà 03 tầng trên diện tích đất này. Khi anh Đ1 phá bỏ nhà cũ để xây dựng nhà mới mọi người trong gia đình cũng như ông T đều biết nhưng không ai có ý kiến gì. Nay ông Cao Duy T đề nghị Tòa án hủy GCNQSDĐ do Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho vợ chồng ông thì gia đình ông không đồng ý và đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Cao Thị L vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án đã thể hiện quan điểm: Thửa đất số 469, tờ bản đồ 19, diện tích 513m^2 tại thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T đã được cấp GCNQSDĐ hiện đứng tên ông Cao Phi H có nguồn gốc là đất ông cha để lại chưa phân chia cho ai do cụ Trần Thị V trực tiếp quản lý, sử dụng. Thửa đất này trước đây nằm trong thửa đất số 41, tờ bản đồ 13 do cụ V đứng tên có tổng diện tích là 1.026m^2 ở thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình sử dụng vào năm 1978 cụ V xây 04 gian nhà ngói, sau đó ông T xây thêm 01 gian thành ngôi nhà 05 gian, (Hiện nay anh Đ1, chị N là con trai và con dâu ông T đã phá bỏ gian nhà do ông T xây để xây dựng trên đó ngôi nhà 3 tầng và đang ở cùng bà O là vợ ông T). Khoảng những năm 1993 đến năm 1994 cụ V có nói cho ông Cao Duy Đ một phần để làm nhà nhưng chưa làm thủ tục sang tên mà chỉ nói miệng. Vào khoảng tháng 10 năm 2017 sau khi cụ V chết trong ngày giỗ cụ thì anh em trong gia đình họp mới biết thửa đất số 469, tờ bản đồ số 19, diện tích 513m^2 đã được cụ V chuyển nhượng và được nhà nước cấp GCNQSDĐ đứng tên Cao Phi H (chú ruột bà); hiện trạng thực tế sử dụng thì phần đất đứng tên ông H, bà M và phần còn lại đứng tên cụ V đã có ranh giới ngăn cách (phần xây nhà đã được năn cách bằng hai nhà, phần không xây nhà đã được ngăn cách bằng tường xây). Bà Lcó quan điểm thửa đất trên là của chung gia đình bà, khi cụ V chuyển nhượng cho ông H đã không có ý kiến của anh chị em gia đình bà nên việc cấp GCNQSDĐ cho ông Cao Phi H là không đúng đề

nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là hủy GCNQSDĐ cấp cho ông Cao Phi H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Cao Duy Đ vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án đã thể hiện nội dung: Thửa đất số 469, tờ bản đồ 19, diện tích 513m^2 tại thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc hiện đang đứng tên ông Cao Phi H có nguồn gốc là đất ông cha để lại, trước khi đứng tên ông Cao Phi H do cụ Trần Thị V đứng tên, trực tiếp quản lý, sử dụng. Cụ V đứng tên tổng diện tích là 1.026m^2 chung một thửa ở thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc vào năm 2016 cụ V được nhà nước cấp GCNQSDĐ toàn bộ diện tích đất này. Trong cùng năm 2016 cụ V đã tách thửa đất trên làm hai phần, một phần đứng tên cụ V, phần còn lại đứng tên vợ chồng ông Cao Phi H, bà Nguyễn Thị M. Tuy nhiên việc tách đất cũng như ai là người làm thủ tục và có lập hợp đồng chuyển nhượng cho ông H hay không thì ông không biết. Lý do ông biết việc cụ V tách thửa đất là vào năm 2016 thì cụ V và ông Cao Phi H có mang hai GCNQSDĐ về thông báo cho anh em, con cháu trong gia đình biết. Tất cả anh em, con cháu trong gia đình đều biết nhưng không ai có ý kiến gì, sau này ông được biết chỉ có ông Cao Duy T là có đơn đề nghị Tòa án hủy GCNQSDĐ đứng tên ông Cao Phi H. Về quá trình sử dụng toàn bộ diện tích đất của cụ V thì vào năm 1978 cụ V xây 04 gian nhà ngói, sau đó ông T xây thêm 01 gian thành ngôi nhà cấp 4 có 5 gian nằm trên phần đất tách cho ông Cao Phi H. Hiện nay ngôi nhà cấp 4 có 5 gian (do cụ V xây 04 gian và ông T xây thêm 01 gian) thì chỉ còn lại 4 gian do cụ V xây, còn 01 gian nhà do ông T xây dựng thì đã bị phá bỏ. Lý do là vào năm 2018 khi ông Cao Phi H chuyển nhượng cho vợ chồng anh Đ1, chị N (là con trai, con dâu ông T) phần đất có vào phần gian nhà ông T xây dựng thì anh Đ1, chị N đã phá gian nhà này và xây ngôi nhà 3 tầng như hiện nay. Khi anh Đ1, chị N (là con trai, con dâu ông T) phá gian nhà cũ do ông T xây và xây dựng ngôi nhà 3 tầng thì tất cả mọi người trong gia đình đều biết nhưng không ai có ý kiến gì về việc này. Ông Cao Duy T có đơn khởi kiện đề nghị Hủy GCNQSDĐ cấp cho ông H thì ông có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Kim O (vợ ông T) vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Bà hiện nay đang sống cùng vợ chồng anh Đ1, chị N tại ngôi nhà ba tầng do vợ chồng anh Đ1, chị N (là con trai và con dâu bà) xây dựng trên phần đất được ông Cao Duy H, bà Nguyễn Thị M chuyển nhượng. Quá trình giải quyết vụ án bà và anh Đ1, chị N đã nhiều lần nhận được giấy triệu tập của Tòa án vì bận công việc không đến làm việc, bà không có yêu cầu gì trong việc ông T đề nghị hủy GCNQSDĐ cấp cho ông H và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà O đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và không triệu tập bà đến tham dự phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Thị Ngọc N, vắng mặt tại phiên tòa do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án thể hiện

quan điểm: Chị là vợ anh Cao Trọng Đ1 và là con dâu của ông Cao Duy T (người khởi kiện), vào năm 2018 vợ chồng chị đã được ông H, bà M chuyển nhượng cho diện tích đất 156,5m^2, diện tích đất này có nguồn gốc do cụ V chuyển nhượng cho ông H, bà M. Phần diện tích đất vợ chồng chị được ông H, bà M chuyển nhượng hiện đã được nhà nước cấp GCNQSDĐ vào năm 2018, mọi thủ tục chuyển nhượng đất từ ông H, bà M sang vợ chồng chị đều do chồng chị là anh Đ1 trực tiếp làm. Sau khi nhận chuyển nhượng của ông H, bà M vợ chồng chị xây nhà ba tầng thì mọi người trong gia đình đều biết, không ai có ý kiến gì và ông T, bà O cũng biết, còn hỗ trợ cho vợ chồng tiền xây nhà. Nay ông Cao Duy T khởi kiện đề nghị Tòa án hủy GCNQSDĐ đứng tên ông Cao Phi H - Nguyễn Thị M và hủy GCNQSDĐ đứng tên Cao Trọng Đ1 – Dương Thị Ngọc N chị có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, chị không có yêu cầu, đề nghị gì. Quá trình giải quyết vụ án đã nhiều lần nhận được giấy triệu tập của Tòa án đến làm việc, tuy nhiên vì lý do bận công việc không đến làm việc được và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cao Trọng Đ1 đã nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ đều vắng mặt không có lý do. Ngày 30/12/2020, Tòa án và địa phương có tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ phần diện tích đất, tài sản trên đất có nguồn gốc được cụ V chuyển nhượng cho ông Cao Phi H thì anh Cao Trọng Đ1 không hợp tác và có hành vi cản trở nên không thể tiến hành làm việc được. Do anh Cao Trọng Đ1 không hợp tác trong việc xem xét, thẩm định tại chỗ nên Tòa án cùng địa phương lập biên bản làm việc và căn cứ vào các tài liệu về quản lý đất đai lưu trữ tại địa phương, thực tế sử dụng để xác định ranh giới, vị trí, các tài sản trên đất làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2021/HC-ST ngày 20/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Cao Duy T về việc đề nghị hủy GCNQSDĐ số CE 394845 ngày 09/11/2016 của Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho ông Cao Phi H- vợ là Nguyễn Thị M đối với thửa đất 469, tờ bản đồ số 19 diện tích đất 513m^2 tại thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Cao Duy T về việc đề nghị hủy GCNQSDĐ số CO 527339 ngày 16/11/2018 của Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho ông Cao Trọng Đ1- vợ là Dương Thị Ngọc N đối với thửa đất 657, tờ bản đồ 19, diện tích đất 156,5m^2 tại thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/9/2021, người khởi kiện là ông Cao Duy T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Cao Duy T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu hủy GCNQSDĐ số CO 527339 ngày 16/11/2018 của Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho ông Cao Trọng Đ1- vợ là Dương Thị Ngọc N đối với thửa đất 657, tờ bản đồ 19, diện tích đất 156,5m^2 tại thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc; hủy GCNQSDĐ số CO 527339 ngày 16/11/2018 của Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho ông Cao Trọng Đ1- vợ là Dương Thị Ngọc N đối với thửa đất 657, tờ bản đồ 19, diện tích đất 156,5m^2 tại thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc. Ông cho rằng: Nguồn gốc thửa số 41, tờ bản đồ số 13, diện tích 956m^2, địa chỉ: thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc đứng tên hộ bà Trần Thị V (mẹ đẻ ông), trên đất có 01 căn nhà 04 gian (nhà cấp 04) là do cha ông để lại và đã được cấp GCNQSDĐ năm 1990. Đến năm 2016 UBND huyện Vĩnh T cấp GCNQSDĐ cho cụ Trần Thị V thửa đất số 143, tờ bản đồ 19, diện tích 1.026m^2 tại thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T (Từ thửa số 41). Thửa đất số 143 cụ V chuyển nhượng cho ông Cao Phi H, bà Nguyễn Thị M diện tích 513m^2 đã được Sở Tài nguyên và Môi Trường (TNMT) tỉnh Vĩnh Phúc cấp GCNQSDĐ mang tên ông Cao Phi H vợ là Nguyễn Thị M; một nửa còn lại là thửa 470 vẫn đứng tên cụ Trần Thị V. Diện tích đất cụ Vậy chuyển nhượng là tài sản thuộc sở hữu chung của gia đình ông bao gồm: Cụ Trần Thị V (mẹ ông), bà Cao Thị L (chị gái ông), ông Cao Duy Đ (em trai ông) và ông (Cao Duy T), không có sự nhất trí và ký tên của các đồng sở hữu. Do đó, việc cụ V chuyển nhượng một nửa thửa đất trên cho vợ chồng ông Cao Phi H, bà Nguyễn Thị M là không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các thành viên trong gia đình.

Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 3; Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật TTHC, Luật đất đai 2013; Luật tổ chức chính quyền địa phương, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016; khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Cao Duy T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Cao Duy T nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật tố tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng pháp luật.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Cao Phi H; bà Nguyễn Thị M; bà Cao Thị L; ông Cao Duy Đ; bà Trần Thị Kim O; anh Cao Trọng Đ1; chị Dương Thị Ngọc N. Căn cứ Điều 157, 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của ông Cao Duy T yêu cầu Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 394845 ngày 09/11/2016 của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho ông Cao Phi H và Nguyễn Thị M đối với thửa đất 469, tờ bản đồ số 19 diện tích đất 513m^2 tại thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc; CNQSDĐ số CO 527339 ngày 16/11/2018 của Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho ông Cao Trọng Đ1 và Dương Thị Ngọc N đối với thửa đất 657, tờ bản đồ 19, diện tích đất 156,5m^2 tại thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành:

Căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011; Căn cứ Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Căn cứ Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Điều 105, Luật Đất đai 2013; Hồ sơ đầy đủ điều kiện cấp GCN theo quy định tại Điểm c, khoản 1, Điều 99 Luật Đất đai năm 2013, trình tự thực hiện theo Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP; thành phần hồ sơ đầy đủ theo Khoản 2, Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT quy định về hồ sơ địa chính và khoản 2, Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT quy định về hồ sơ địa chính; GCNQSDĐ ngày 12/7/2016 của UBND huyện Vĩnh T cấp cho bà Trần Thị V lần đầu tại thửa đất số 143, tờ bản đồ số 19, diện tích 1.026m^2 ở thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc; GCNQSDĐ số CE 394845 ngày 09/11/2016 của Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho ông Cao Phi H- vợ là Nguyễn Thị M đối với thửa đất 469, tờ bản đồ số 19 diện tích đất 513m^2 tại thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc; GCNQSDĐ số CO 527339 ngày 16/11/2018 của Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho ông Cao Trọng Đ1- vợ là Dương Thị Ngọc N đối với thửa đất 657, tờ bản đồ 19, diện tích đất 156,5m^2 tại thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc là có căn cứ pháp luật.

[2.2]. Xét tính hợp pháp của nội dung về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Cao Phi H và Nguyễn Thị M; ông Cao Trọng Đ1 và Dương Thị Ngọc N, ông T1, bà Bình:

Nguồn gốc thửa số 41, tờ bản đồ số 13, diện tích 956m^2, địa chỉ: thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc đứng tên hộ bà Trần Thị V (mẹ đẻ ông) là do cha ông để lại.

Ngày 15/8/2016 cụ Trần Thị V đề nghị tách thửa đất trên thành hai thửa đó là thửa 469 và thửa 470 mỗi thửa có diện tích 513m^2. Ngày 18/8/2016, cụ Trần Thị V đã ký hợp đồng chuyển nhượng thửa 469 có diện tích 513m^{2}cho ông Cao Phi H (là chú ruột ông T) và vợ là bà Nguyễn Thị M. Ngày 28/8/2016, ông Cao Phi H và bà Nguyễn Thị M có nộp hồ sơ Đ ký biến động cấp mới Giấy chứng nhận do nhận chuyển nhượng một phần QSDĐ của bà Trần Thị V đối với thửa đất 469 diện tích 513m^2 tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế 1 cửa tại UBND huyện Vĩnh T. Chi nhánh Vĩnh T hoàn thiện hồ sơ trình Sở TNMT ký cấp GCNQSDĐ ngày 09/11/2016 cho ông Cao Phi H và bà Nguyễn Thị M số thửa 469 tờ bản đồ số 19 diện tích 513 m^2 ở tại thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc ra quyết định cấp GCNQSDĐ số CE 394845 ngày 09/11/2016 mang tên ông Cao Phi H, bà Nguyễn Thị M thửa 469 tờ bản đồ số 19 diện tích 513 m^2 ở tại thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 15/10/2018, ông Cao Phi H, bà Nguyễn Thị M đã chuyển nhượng cho anh Cao Trọng Đ1, chị Dương Thị Ngọc N (con trai ông Cao Duy T) diện tích 156,5m^2. Hai bên đã làm thủ tục chuyển nhượng đầy đủ, đúng quy định của pháp luật và được Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc ra quyết định cấp GCNQSDĐ số CO 527339 ngày 16/11/2018 cho Cao Trọng Đ1 - vợ là Dương Thị Ngọc N, thửa đất 657, tờ bản đồ 19, diện tích đất 156,5m^2 tại thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ông Cao Duy T kháng cáo cho rằng: Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 13, địa chỉ thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc là tài sản thuộc quyền sở hữu chung của các thành viên trong gia đình là cụ Trần Thị V, bà Cao Thị L, ông Cao Duy Đ và người khởi kiện (Cao Duy T). Vì vậy bất kỳ giao dịch gì liên quan đến thửa đất trên phải có sự đồng ý và thống nhất ký tên của tất cả các thành viên trong gia đình mới là hợp pháp. Việc cụ Trần Thị V (là mẹ ông) tự ý ký hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ cho ông H, bà M và hiện nay ông H, bà M đã được nhà nước cấp GCNQSDĐ đối với phần diện tích chuyển nhượng trên, sau đó ông H, bà M lại chuyển nhượng một phần diện tích đất nêu trên cho anh Đ1, chị N đã không đúng pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi của ông cũng như các thành viên trong gia đình. Tuy nhiên tại thời điểm cụ Trần Thị V ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H, bà M thì thửa đất trên đứng tên cụ V, chưa có một quyết định nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định thửa đất trên không phải là của cụ Trần Thị V, do đó theo quy định của pháp luật cụ V có quyền quyết định việc tặng cho hoặc chuyển quyền sử dụng đất. Việc ngày 18/8/2016, cụ V ký hợp đồng chuyển nhượng diện tích 513m^2 cho ông Cao Phi H và vợ là bà Nguyễn Thị M (là chú rột ông T) vẫn là hợp pháp

vì cụ V chỉ chuyển nhượng phần diện tích đất bằng ½ thửa đất tương ứng phần tài sản của cụ V (Trong khối tài sản chung của cụ V và cụ Đ2 tại thửa đất số 143, tờ bản đồ 19 (bản đồ 299), diện tích 1.026m^2) là không vượt quá quyền định đoạt tài sản chung nên không ảnh hưởng đến quyền lợi của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất trong đó có ông T). Mặt khác tại thời điểm ký hợp đồng đất đứng tên cụ V; bà Cao Thị L (con gái cụ V) đã biết rõ việc chuyển nhượng và còn giúp cụ V hoàn thiện các thủ tục chuyển nhượng đất cho ông Cao Phi H (thể hiện tại lời khai của bà Cao Thị Kim L1, ông Cao Duy Đ3, ông Lê Ngọc T2 là những người hàng xóm của cụ V đã xác định bà L là người mang hồ sơ chuyển nhượng đất từ cụ Trần Thị V cho ông Cao Phi H đến nhờ họ ký giáp ranh đất không có tranh chấp vào hồ sơ; Tài liệu làm việc với UBND xã Thượng T xác định bà Cao Thị L là người trực tiếp đưa cụ V đến UBND xã Thượng T ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông H); Ông Cao Duy Đ, ông Cao Duy T là con trai cụ V mặc dù tại thời điểm ký hợp đồng không biết nhưng về sau đã biết (Ông Cao Duy Đ biết vào năm 2016 khi ông H được cấp GCNQSDĐ; còn ông Cao Duy T biết rõ vào tháng 10 năm 2017 sau khi cụ V chết đã tiến hành họp gia đình) không ai có ý kiến gì mặc nhiên thừa nhận mãi đến ngày 14/5/2019 thì ông Cao Duy T mới có đơn khởi kiện. Sau khi ông Cao Phi H, bà Nguyễn Thị M được cụ Trần Thị V chuyển nhượng thì ông H, bà M đã lập Hợp đồng chuyển nhượng cho anh Cao Trọng Đ1 và chị Dương Thị Ngọc N diện tích 156,5m^2 vào đúng phần gian nhà cấp 4 ông T xây dựng và anh Đ1, chị N đã phá bỏ gian nhà này xây dựng ngôi nhà 3 tầng thì tất cả mọi người đều biết rõ nhưng không ai có ý kiến gì mặc nhiên thừa nhận. Điều này thể hiện rõ ông Cao Duy T thừa nhận tại phiên tòa là vào năm 2018, khi anh Đ1, chị N (là con trai, con dâu ông) phá gian nhà cũ do ông xây dựng trước kia để xây dựng ngôi nhà 3 tầng như hiện nay thì ông có biết, ông cũng không có ý kiến gì về việc anh Đ1, chị N xây nhà; Lời khai của chị N (vợ anh Đ1, con dâu ông Cao Duy T) thể hiện rõ khi hai vợ chồng được ông H, bà M chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã tiến hành xây nhà vào năm 2018 thì ông T có biết không có ý kiến gì và còn phụ giúp tiền để vợ chồng xây nhà 3 tầng trên; lời khai của bà Cao Thị L (con gái cụ V, chị gái ông T) thể hiện rõ khi anh Đ1, chị N xây nhà 3 tầng thì tất cả mọi người trong gia đình đều biết nhưng không ai có ý kiến gì.

Sau khi thẩm định hồ sơ, Chi nhánh Vĩnh T đã chuyển thông tin sang Chi cục thuế huyện Vĩnh T để xác định nghĩa vụ tài chính và sau khi ông H (bà M); Cao Trọng Đ1 và Dương Thị Ngọc N hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo thông báo của Chi cục thuế theo quy định. Ngày 01/11/2016, Chi nhánh Vĩnh T hoàn thiện hồ sơ trình Sở TNMT ký, cấp GCNQSDĐ ngày 09/11/2016 cho ông Cao Phi H và bà Nguyễn Thị M số thửa 469 tờ bản đồ số 19 diện tích 513m^2 và cấp mới phần diện tích còn lại cho bà Trần Thị V số thửa 470 tờ bản đồ số 19 diện tích 513m^2 địa chỉ thửa đất tại thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 14/11/2018, Chi nhánh Vĩnh T hoàn thiện hồ sơ trình Sở

TNMT ký, cấp GCNQSDĐ ngày 16/11/2018 cho anh Cao Trọng Đ1 và chị Dương Thị Ngọc N số phát hành CO 527339, thửa 657 diện tích 156,5 m^2 địa chỉ thửa đất tại thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Việc Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc cấp mới GCNQSDĐ của vợ chồng ông Cao Phi H, bà Nguyễn Thị M do nhận chuyển nhượng từ cụ Trần Thị V ngày 09/11/2016 và cấp GCNQSDĐ của vợ chồng anh Cao Trọng Đ1, chị Dương Thị Ngọc N là đúng với quy định tại Điều 105, Luật Đất đai 2013; Điều 37 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định. Hồ sơ đầy đủ điều kiện cấp GCN theo quy định tại Điểm c, khoản 1, Điều 99 Luật Đất đai năm 2013, trình tự thực hiện theo Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP; thành phần hồ sơ đầy đủ theo Khoản 2, Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ TNMT quy định về hồ sơ địa chính và khoản 2, Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ TNMT quy định về hồ sơ địa chính.

Từ các phân tích trên thấy, Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc GCNQSDĐ số CE 394845 ngày 09/11/2016 của Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho ông Cao Phi H và Nguyễn Thị M đối với thửa đất 469, tờ bản đồ số 19 diện tích đất 513m^2 tại thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc; CNQSDĐ số CO 527339 ngày 16/11/2018 của Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho ông Cao Trọng Đ1 và Dương Thị Ngọc N đối với thửa đất 657, tờ bản đồ 19, diện tích đất 156,5m^2 tại thôn Phú T A, xã Thượng T, huyện Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc là đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Cao Duy T là có cơ sở. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Cao Duy T, giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

[3] Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: ông Cao Duy T kháng cáo không được chấp nhận, nhưng ông Cao Duy T là người cao tuổi, nên cấp phúc thẩm miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của ông Cao Duy T.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2021/HC-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Về án phí: Ông Cao Duy T không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng

cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Việt Hà

Nơi nhận:
- *VKSND Cấp cao tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *Các Đương sự (qua đ/c)*
- *Lưu Hồ sơ; HCTP.*